

Bản án số: 512/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 23.6.2020.  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Anh phong

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Lâm Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 129/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06.5.2020 và Quyết định đưa hoãn phiên tòa số 75/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28.5.2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Kim T – sinh năm: 1987 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã Nh, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Trương Hoàng S - sinh năm: 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã Nh, huyện Hóc Môn, Tp.HCM

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 25.12.2019 và trong suốt quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà Đặng Kim T trình bày:

Bà và Ông Trương Hoàng S tự nguyện tìm hiểu và tiến đến xây dựng gia đình vào năm 2008, chúng tôi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh ngày 25.01.2008.

Sau khi cưới ông bà sống chung tại 1/91 ấp N, xã Nh, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh. Trong thời gian chung sống với nhau hai vợ chồng thường hay xảy ra nhiều mâu thuẫn sâu sắc không thể cố gắng tiếp tục chung sống được với nhau, hai vợ chồng đã có thời gian sống riêng để suy nghĩ và thay đổi bản thân nhưng không thể chung sống với nhau được. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với Ông S.

- Về con chung: có 02 con chung trên Trương Tân P, sinh ngày 19.9.2008 và Trương Kim N, sinh ngày 03.10.2010. Bà T đồng ý giao con chung cho Ông S nuôi dưỡng, Bà T cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi trẻ là 1.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: không có

- Nợ chung: không có

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải Bà Đặng Kim T và Ông Trương Hoàng S thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng Ông S không đến Tòa nên việc hòa giải không tiến hành được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Về phía bị đơn Ông Trương Hoàng S, Tòa án đã tổng đạt niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng Ông S vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn trình bày ý kiến tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo trình tự thủ tục pháp luật quy định đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa Bà Đặng Kim T và Ông Trương Hoàng S là Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bị đơn Ông Trương Hoàng S cư trú tại ấp L, xã Nh, huyện Hóc Môn nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định nói trên theo quy định của pháp luật tố tụng nhưng Ông Trương Hoàng S không đến, phiên tòa phải hoãn và Quyết định hoãn phiên tòa cũng được tổng đạt hợp lệ cho Ông S nhưng Ông S vẫn không có mặt. Nguyên đơn Bà Đặng Kim T có đơn xin vắng mặt. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Hội đồng xét xử nhận thấy Bà Đặng Kim T và Ông Trương Hoàng S tự nguyện xây dựng gia đình từ năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn, Tp.HCM ngày 25.01.2008 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện Bà Đặng Kim T và Ông Trương Hoàng S có thời gian sống chung từ năm 2008, có đăng ký kết hôn và có 02 con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh theo lời trình bày của Bà T là do do vợ chồng sống không hợp nhau, thường xảy ra mâu thuẫn sâu sắc không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa. Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ theo quy định để tiến hành hòa giải nhằm tạo điều kiện Bà Đặng Kim T và Ông Trương Hoàng S trở về đoàn tụ với nhau nhưng Ông Trương Hoàng

S không đến, điều này chứng tỏ Ông S không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa Bà Đặng Kim T và Ông Trương Hoàng S đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc ly hôn là cần thiết nên việc Bà Đặng Kim T yêu cầu ly hôn với Ông Trương Hoàng S là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống Bà T và Ông S có 02 con chung là trẻ Trương Tấn P, sinh ngày 19.9.2008 và Trương Kim N, sinh ngày 03.10.2010. Bà T yêu cầu giao trẻ Trương Tấn P và trẻ Trương Kim N cho Ông S chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Xét yêu cầu của Bà T là có cơ sở, bởi lẽ từ lúc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cho đến nay, Ông S là người trực tiếp chăm sóc cho trẻ P và trẻ N ăn học bình thường, Bà T thường xuyên đi làm xa. Do đó, Hội đồng xét xử giao trẻ Trương Tấn P và trẻ Trương Kim N cho Ông S tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Về việc cấp dưỡng nuôi con, Bà T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho mỗi trẻ hàng tháng là 1.000.000 đồng (02 trẻ là 2.000.000 đồng) nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bị đơn Ông Trương Hoàng S, Tòa án đã tiến hành tổng đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng Ông Trương Hoàng S không đến Tòa để đưa ra ý kiến và yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[8] Về án phí: Bà Đặng Kim T tự nguyện chịu.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật Tố Tụng Dân Sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Bà Đặng Kim T.

Về quan hệ vợ chồng: Bà Đặng Kim T được ly hôn với Ông Trương Hoàng S.

Về con chung: có 02 con chung là trẻ Trương Tấn P, sinh ngày 19.9.2008 và Trương Kim N, sinh ngày 03.10.2010. Giao trẻ Trương Tấn P và trẻ Trương Kim N cho Ông Trương Hoàng S trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà Đặng Kim T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho mỗi trẻ là 1.000.000 (Một triệu) đồng (02 trẻ là 2.000.000 đồng) cho đến khi trẻ Phước và trẻ Ngọc đến tuổi trưởng thành tròn 18 tuổi. Thi hành tại chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Bà T không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền như đã được ghi nhận trong quyết định này thì hàng tháng sẽ còn phải chịu thêm khoản tiền lãi được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Vì lợi ích con chung, bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này.

Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có.

Về nợ chung: Đương sự khai không có.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Án phí DSST: Bà Đặng Kim T chịu là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được tính cần trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0074238 ngày 25.12.2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

Án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng Bà Đặng Kim T chịu, thi hành tại Chi Cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.HM;
- Cơ quan THADS H.HM;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
- Các đương sự;
- Lưu.

**Phan Anh Phong**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
THẨM PHÁN**